



# TỔNG HỢP QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC NĂM **2024**

Ấn phẩm của

**CÔNG TY LUẬT TNHH ĐẤT LUẬT**

📍 40/1 Trần Nãi, P. An Khánh,  
Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 6260 7101

✉ datluat@dlf.vn

🌐 [www.datluatlawfirm.com](http://www.datluatlawfirm.com)

**DAT LUAT LAW FIRM**

ThuThiemGroup Building

40/1 Tran Nao St., An Khanh Ward, Thu Duc City, HCMC

Tel.: (028) 6260 7101 - Fax: (028) 6260 7103

Email: [datluat@dlf.vn](mailto:datluat@dlf.vn) - Web: [www.datluatlawfirm.com](http://www.datluatlawfirm.com)**The Best Solutions For Investment Values**

# TỔNG HỢP QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC NĂM 2024

*(Ngày 29/12/2023)*

Nhằm hỗ trợ Quý Khách Hàng nắm bắt các quy định mới có hiệu lực năm 2024, có liên quan, ảnh hưởng đến hoạt động của Quý Khách Hàng để có sự chuẩn bị tốt nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, Đất Luật trân trọng gửi đến Quý Khách Hàng chuyên đề Tổng hợp quy định pháp luật tiêu biểu có hiệu lực năm 2024 như sau:

## **1. Quy định pháp luật tiêu biểu có hiệu lực năm 2024**

### **1.1. Luật Đấu thầu năm 2023**

- 1.1.1. Mở rộng phạm vi điều chỉnh theo hướng bổ sung hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.
- 1.1.2. Bổ sung các gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- 1.1.3. Thay đổi mức đảm bảo dự thầu.
- 1.1.4. Giảm thời gian đấu thầu, cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh áp dụng đấu thầu qua mạng.

### **1.2. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023**

- 1.2.1. Thu hẹp định nghĩa “người tiêu dùng”; người mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho mục đích thương mại không còn được xem là “người tiêu dùng”.
- 1.2.2. Bổ sung 09 nhóm hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- 1.2.3. Bổ sung 07 nhóm người tiêu dùng dễ bị tổn thương; tổ chức, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm, nghĩa vụ nhiều hơn khi giao dịch với nhóm người tiêu dùng này.
- 1.2.4. Bổ sung nhóm các quy định mới liên quan đến hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

### **1.3. Luật Giá năm 2023**

- 1.3.1. Bổ sung trách nhiệm niêm yết giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ.

- 1.3.2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hạ giá bán hàng hóa, dịch vụ đối với các hàng hóa, dịch vụ được hạ giá bán hàng hóa, dịch vụ phải niêm yết công khai về mức giá cũ, mức giá mới, thời hạn hạ giá.
- 1.3.3. Hiệp thương giá được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không còn quy định hiệp thương giá theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 1.3.4. Bổ sung các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá, thẩm định giá, như: Loạn tin, đưa tin không đúng sự thật, không chính xác về tình hình kinh tế - xã hội gây nhiễu loạn thông tin thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ; lợi dụng tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ không phù hợp với biến động của giá thành toàn bộ so với điều kiện bình thường nhằm trục lợi;...

#### **1.4. Luật Giao dịch điện tử năm 2023**

- 1.4.1. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 không còn quy định về nội dung, hình thức, điều kiện của giao dịch trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác.
- 1.4.2. Kế thừa và hoàn thiện quy định về thông điệp dữ liệu tại Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 bổ sung một số hình thức thông điệp dữ liệu, công chứng, chứng thực thông điệp dữ liệu.
- 1.4.3. Bổ sung quy định về phân loại chữ ký điện tử.
- 1.4.4. Bổ sung quy định về các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, đồng thời bổ sung quy định các hoạt động, trách nhiệm của cơ quan nhà nước và hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử.

#### **1.5. Luật Hợp tác xã năm 2023**

- 1.5.1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê đất, đất có mặt nước của Nhà nước để sản xuất, kinh doanh thì được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước; trường hợp thuê, thuê lại đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để sản xuất, kinh doanh thì được Nhà nước hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai;...
- 1.5.2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng mức ưu đãi thuế, ưu đãi phí và lệ phí cao nhất trong cùng lĩnh vực, ngành, nghề và địa bàn.
- 1.5.3. Miễn lệ phí trước bạ đối với cá nhân, tổ chức khi chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

**1.6. Tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024.**

**1.7. Áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu 15% từ năm tài chính 2024.**

**1.8. Doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 – 2025 được tiếp cận gói hỗ trợ về tư vấn, công nghệ và xúc tiến thương mại.**

**2. Các văn bản dự kiến được ban hành và áp dụng năm 2024**

- 2.1.** Loại bỏ phương pháp chiết trừ trong định giá đất; người sử dụng đất đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất,... mà chưa có quyết định phê duyệt giá đất có thể phải nộp bổ sung một khoản tiền bằng lãi suất tiền gửi của kỳ hạn 12 tháng.
- 2.2.** Tăng lương tối thiểu vùng 6% từ ngày 01/7/2024.
- 2.3.** Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách liên quan đến thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng khó khăn; mua bán trái phiếu doanh nghiệp; hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với ngân hàng.

Nội dung chi tiết, Quý Khách Hàng vui lòng tham khảo nội dung tổng hợp dưới đây. Các chuyên đề chuyên sâu có liên quan đến các quy định mới, Đất Luật sẽ tiếp tục cập nhật đến Quý Khách Hàng trong thời gian tới.



## MỤC LỤC

<b>A. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC NĂM 2024 .....</b>	<b>6</b>
1. Luật Đấu thầu năm 2023 .....	6
2. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 .....	8
3. Luật Giá năm 2023 .....	15
4. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 .....	19
5. Luật Hợp tác xã năm 2023 .....	22
6. Tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024 .. .....	24
7. Áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu 15% từ năm tài chính 2024 .....	25
8. Doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 – 2025 được tiếp cận gói hỗ trợ về tư vấn, công nghệ và xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.....	26
<b>B. CÁC VĂN BẢN DỰ KIẾN ĐƯỢC BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG NĂM 2024.....</b>	<b>27</b>
1. Loại bỏ phương pháp chiết trừ trong định giá đất; người sử dụng đất đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất,... mà chưa có quyết định phê duyệt giá đất có thể phải nộp bổ sung một khoản tiền bằng lãi suất tiền gửi của kỳ hạn 12 tháng .....	27
2. Tăng lương tối thiểu vùng 6% từ ngày 01/7/2024.....	28
3. Loại trừ việc xác định quan hệ liên kết đối với trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức khác có chức năng hoạt động ngân hàng bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay .....	29
4. Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách liên quan đến thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng khó khăn; mua bán trái phiếu doanh nghiệp; hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với ngân hàng.....	31

## A. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC NĂM 2024

### 1. LUẬT ĐẦU THẦU NĂM 2023

Luật Đầu thầu năm 2023 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024 với một số nội dung tiêu biểu như sau:

- 1.1. Mở rộng phạm vi điều chỉnh theo hướng bổ sung hoạt động lựa chọn nhà đầu tư (NĐT) thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, bao gồm:
  - 1.2.1. Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đất đai.
  - 1.2.2. Dự án đầu tư kinh doanh phải tổ chức đấu thầu lựa chọn NĐT theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

Như vậy,

Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh tại Luật Đầu thầu năm 2023 góp phần giải quyết bất cập giữa Luật Đầu thầu năm 2013, Luật Đất đai năm 2013 và Luật Nhà ở năm 2014 như được nêu dưới đây. Luật Nhà ở năm 2023 vừa được thông qua ngày 27/11/2023 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025) cũng được điều chỉnh theo hướng đồng nhất với quy định mới tại Luật Đầu thầu năm 2023:

- (i) Theo quy định tại Luật Đầu thầu năm 2013, các dự án đầu tư có sử dụng đất phải đấu thầu lựa chọn NĐT. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, đối với một số trường hợp như đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê hoặc cho thuê mua; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê,... thì Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không quy định trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất.
  - (ii) Ngoài ra, theo quy định tại Luật Nhà ở năm 2014, việc lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án nhà ở xã hội (NOXH), được đầu tư không phải bằng nguồn vốn nhà nước, thực hiện lựa chọn chủ đầu tư thông qua hình thức đấu thầu nếu có từ hai NĐT trở lên đăng ký làm chủ đầu tư, hoặc chỉ định chủ đầu tư nếu chỉ có một NĐT đăng ký làm chủ đầu tư. Điều 8 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP) hướng dẫn việc đấu thầu chọn NĐT NOXH thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu. Tuy vậy, Luật Đầu thầu năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành chỉ quy định việc đấu thầu lựa chọn NĐT dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng khu đô thị, công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng gồm nhà ở thương mại, trụ sở, văn phòng làm việc và công trình thương mại, dịch vụ mà không bao gồm dự án đầu tư xây dựng NOXH.
- 1.2. Bổ sung các gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Như vậy,

Bên cạnh các gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, các gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ cũng thuộc trường hợp điều chỉnh của pháp luật về đấu thầu. Trước đây, theo quy định tại khoản 1 Luật Đấu thầu 2013 thì phạm vi điều chỉnh đối với lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp gồm: Dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn nhà nước của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập; Dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; Dự án đầu tư phát triển không thuộc các dự án nêu trên nhưng có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án,... Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định “Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”. Do đó, quy định các dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Đấu thầu năm 2013 như trên nhằm góp phần quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc lựa chọn nhà thầu thực hiện các dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp năm 2020 thay đổi hoàn toàn khái niệm “doanh nghiệp nhà nước” thành “các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết ...”, từ đó, dẫn đến nhiều doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước (theo Luật Doanh nghiệp năm 2014) lại trở thành doanh nghiệp nhà nước (theo Luật Doanh nghiệp năm 2020). Do đó, quy định trên tại Luật Đấu thầu năm 2013 cũng không còn phù hợp. Việc thay đổi quy định điều chỉnh đối với doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu năm 2023 được đánh giá là có sự hài hòa giữa hai phương án được đưa ra lấy ý kiến đại biểu Quốc hội trước đó, với một bên là chỉ áp dụng với doanh nghiệp nhà nước và một bên là mở rộng tới các công ty con<sup>1</sup>.

### 1.3. Thay đổi mức đảm bảo dự thầu.

Thay vì quy định mức đảm bảo dự thầu là từ 1% đến 3% giá gói thầu tùy thuộc quy mô, tính chất của từng gói thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đấu thầu năm 2013, Luật Đấu thầu năm 2023 quy định mức đảm bảo dự thầu đối với từng loại gói thầu, cụ thể như sau:

- 1.3.1. Từ 1% đến 1,5% giá gói thầu áp dụng đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng.
- 1.3.2. Từ 1,5% đến 3% giá gói thầu áp dụng đối với gói thầu không thuộc trường hợp tại Mục 1.3.1 nêu trên.

1.3.3. Từ 0,5% đến 1,5% tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư kinh doanh áp dụng đối với lựa chọn NĐT.

Như vậy,

Luật Đấu thầu năm 2023 rút ngắn khoảng cách chênh lệch tối thiểu và tối đa của mức đảm bảo dự thầu còn 1% - 1,5%, thay vì 3% như tại Luật Đấu thầu năm 2023.

**1.4. Giảm thời gian đấu thầu, cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh áp dụng đấu thầu qua mạng.**

1.4.1. Thời hạn hoàn trả đảm bảo dự thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 14 Luật Đấu thầu năm 2023 rút ngắn 6 ngày so với quy định tại khoản 8 Điều 14 Luật Đấu thầu năm 2013. Cụ thể, theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Luật Đấu thầu năm 2013, bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, NĐT không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu nhưng không quá 14 ngày (thay vì 20 ngày) kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu, NĐT được phê duyệt. Đối với nhà thầu, NĐT được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

1.4.2. So với Luật Đấu thầu năm 2013, Luật Đấu thầu năm 2023 bổ sung thêm 07 nhóm trường hợp chỉ định thầu, trong đó, bao gồm: Gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu trong hạn mức từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, bao gồm: gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn có giá gói thầu trong hạn mức không quá 500 triệu đồng, gói thầu phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu trong hạn mức không quá 01 tỷ đồng; Gói thầu chỉ có duy nhất một nhà thầu thực hiện được trên thị trường do yêu cầu về giải pháp công nghệ,...

Các gói thầu được chỉ định thầu phải được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng hoặc 90 ngày đối với gói thầu có quy mô lớn, phức tạp. Việc Luật Đấu thầu năm 2023 bổ sung thêm 07 nhóm trường hợp được chỉ định thầu cũng đồng nghĩa với việc nhiều gói thầu sẽ được rút ngắn thời gian thực hiện.

1.4.3. Thực hiện Chương trình quốc gia về chuyển đổi số và xây dựng chính phủ điện tử được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, từ ngày 01/01/2025, áp dụng đấu thầu qua mạng đối với tất cả các gói thầu, trừ trường hợp không đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 50 Luật Đấu thầu năm 2023.

Chi tiết về các điểm mới tiêu biểu của Luật Đấu thầu năm 2023, Quý Khách Hàng vui lòng tham khảo thêm Chuyên đề sẽ được Đất Luật cập nhật đến Quý Khách Hàng trong thời gian tới.

## **2. LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG NĂM 2023**

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Luật BVQLNTD) năm 2023 có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 với một số nội dung tiêu biểu như sau:



- 2.1.** Thu hẹp định nghĩa “người tiêu dùng” – người mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho mục đích thương mại không còn được xem là “người tiêu dùng”. Cụ thể:

Khoản 1 Điều 3 Luật BVQLNTD năm 2023 định nghĩa “*Người tiêu dùng* là người mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và *không vì mục đích thương mại*”, còn LBVQLNTD năm 2010 định nghĩa người tiêu dùng không kèm tiêu chí “*không vì mục đích thương mại*”.

Như vậy,

Cá nhân, tổ chức chỉ có thể trở thành người tiêu dùng (NTD) và được bảo vệ theo Luật BVQLNTD năm 2023 khi mục đích mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ là “*tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình và tổ chức*”. Thay đổi này là hợp lý vì nếu mục đích sử dụng hàng hóa, dịch vụ,... của tổ chức, cá nhân nhằm đến mục đích thương mại thì phạm vi này đã được điều chỉnh theo quy định của pháp luật dân sự và thương mại. Tuy vậy, riêng đối với NTD là tổ chức, cá nhân kinh doanh, quy định nêu trên có thể gây khó khăn trong việc xác định “mục đích sinh hoạt, tiêu dùng” vì các tổ chức, cá nhân trên luôn tồn tại hai loại hoạt động, một là các hoạt động vì mục đích kinh doanh, thương mại, và hai là các hoạt động không vì mục đích kinh doanh (các hoạt động phục vụ cho tổ chức, vận hành, phục vụ cho người lao động,...). Khi tổ chức, cá nhân kinh doanh mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ thì có thể phục vụ một trong hai mục đích hoặc đồng thời cả hai (một phần để kinh doanh, một phần để tiêu dùng) hay thậm chí còn có sự chuyển đổi giữa hai mục đích. Mặc dù có thể xác định mục đích kinh doanh hay tiêu dùng dựa trên các hợp đồng thương mại, chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp,... Tuy nhiên, việc xác định có thể không hoàn toàn chính xác, gây thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh với vai trò là “người tiêu dùng”. Theo đó, như hướng dẫn trước đây của Cục Cảnh tranh và Bảo vệ Người tiêu dùng<sup>2</sup>, pháp luật Việt Nam (tại thời điểm Cục trả lời năm 2020) không xem người mua căn hộ du lịch là NTD. Xét theo định nghĩa nêu trên, theo Luật BVQLNTD năm 2023 thì người mua căn hộ du lịch, nhà phố thương mại, biệt thự du lịch có thể sẽ tiếp tục không được xem là NTD.

- 2.2.** Bổ sung 09 nhóm hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi NTD. Cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh trong bảo vệ quyền lợi NTD như sau:

- 2.2.1. Lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho NTD thông qua việc cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, không chính xác về một trong các nội dung sau đây: sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà tổ chức, cá nhân kinh doanh bán, cung cấp; uy tín, khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh; nội dung, đặc điểm giao dịch giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh; hình ảnh, giấy tờ, tài liệu chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh.

- 2.2.2. Quấy rối NTD thông qua hành vi tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp trái với ý muốn của NTD để giới thiệu về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh, đề nghị giao kết hợp đồng hoặc có hành vi khác gây cản trở công việc, sinh hoạt bình thường của NTD.
- 2.2.3. Ép buộc NTD mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trái với ý muốn của NTD thông qua việc thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc hành vi khác có tính chất tương tự.
- 2.2.4. Ép buộc NTD thanh toán cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp mà không có thỏa thuận trước với NTD.
- 2.2.5. Không đền bù, trả lại tiền hoặc đổi lại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho NTD do nhầm lẫn của tổ chức, cá nhân kinh doanh.
- 2.2.6. Không đền bù, trả lại tiền hoặc đổi lại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho NTD do sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không đúng với đăng ký, thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết của tổ chức, cá nhân kinh doanh.
- 2.2.7. Đánh tráo, gian lận sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khi giao hàng, cung cấp dịch vụ cho NTD.
- 2.2.8. Không thông báo trước, không công khai cho NTD việc tài trợ cho người có ảnh hưởng dưới mọi hình thức để sử dụng hình ảnh, lời khuyên, khuyến nghị của người này nhằm xúc tiến thương mại hoặc khuyến khích NTD mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.
- 2.2.9. Ngăn cản NTD kiểm tra về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 2.2.10. Yêu cầu NTD phải mua thêm sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như là điều kiện bắt buộc để giao kết hợp đồng trái với ý muốn của NTD.
- 2.2.11. Quy định điều khoản không được phép trong hợp đồng giao kết với NTD, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.
- 2.2.12. Thu thập, lưu trữ, sử dụng, chỉnh sửa, cập nhật, hủy bỏ thông tin của NTD trái quy định của pháp luật.

Như vậy,

Bên cạnh việc tiếp tục kế thừa 03 nhóm hành vi bị nghiêm cấm đã được quy định tại Luật BVQLNTD năm 2010 (được nêu tại Mục 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3), Luật BVQLNTD năm 2023 đã bổ sung thêm 09 nhóm hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh. Điều này cũng đồng nghĩa với việc tăng khả năng giao dịch thương mại với NTD bị vô hiệu do tổ chức, cá nhân kinh doanh vi phạm điều cấm của luật, bên cạnh đó, nhiều khả năng, cơ quan nhà nước cũng sẽ tăng mức phạt tiền cũng như các chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh có hành vi vi phạm cho phù hợp với tính chất của “các hành vi bị nghiêm cấm”, đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

**2.3.** Bổ sung 07 nhóm NTD dễ bị tổn thương – là NTD có khả năng chịu nhiều tác động bất lợi về tiếp cận thông tin, sức khỏe, tài sản, giải quyết tranh chấp tại thời điểm mua hoặc sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bao gồm người cao tuổi (là người từ đủ 60 tuổi trở lên<sup>3</sup>), người khuyết tật, trẻ em (là người dưới 16 tuổi<sup>4</sup>), phụ nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người bị bệnh hiểm nghèo, hộ nghèo, dân tộc thiểu số.

Theo đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh khi giao dịch với nhóm NTD này cần phải:

2.3.1. Ưu tiên tiếp nhận, xử lý và không chuyển yêu cầu của NTD cho bên thứ ba giải quyết, trừ trường hợp bên thứ ba đó có nghĩa vụ liên quan. Không được từ chối giải quyết yêu cầu được bảo vệ của NTD dễ bị tổn thương.

Trường hợp chậm, từ chối ưu tiên hoặc từ chối tiếp nhận, xử lý yêu cầu của NTD thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự.

2.3.2. Bảo đảm việc thực hiện quyền của NTD dễ bị tổn thương trong quá trình mua bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2.3.3. Xây dựng, cập nhật, công khai cho NTD dễ bị tổn thương theo hình thức niêm yết tại trụ sở, địa điểm kinh doanh hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) và đào tạo, tập huấn cho người lao động của mình về các nội dung đó.

Như vậy,

Trước quan điểm cho rằng NTD thông thường vốn đã được xác định là “bên yếu thế” trong mối quan hệ giao dịch thương mại với tổ chức, cá nhân kinh doanh trong việc nhận thức pháp luật, quyền tiếp cận thông tin sản phẩm, khả năng gánh chịu rủi ro,... thì NTD mang những yếu tố, hoàn cảnh, đặc tính bất lợi riêng còn phải chịu nhiều bất lợi hơn NTD thông thường, Luật BVQLNTD năm 2023 đã bổ sung quy định nhằm mục đích ưu tiên cho các đối tượng nêu trên được hưởng nhiều đặc quyền hơn, đồng thời, tổ chức, cá nhân kinh doanh cũng chịu trách nhiệm, nghĩa vụ nhiều hơn khi giao dịch với nhóm NTD này.

**2.4.** Bổ sung nhóm các quy định mới liên quan đến hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

2.4.1. Luật BVQLNTD năm 2023 không còn quy định định nghĩa “*Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng do tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ soạn thảo để giao dịch với người tiêu dùng*” như tại khoản 5 Điều 3 Luật BVQLNTD năm 2010 mà quy định hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan (khoản 1 Điều 23 Luật BVQLNTD năm 2023).

2.4.2. Bổ sung quy định về các nội dung cơ bản phải có của hợp đồng theo mẫu, gồm:

2.4.2.1. Thông tin của các bên trong hợp đồng bao gồm: tên, địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên hệ khác (nếu có).

- 2.4.2.2. Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được bán, cung cấp theo hợp đồng.
  - 2.4.2.3. Đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng, giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được bán, cung cấp, các thành phần cấu thành giá cuối cùng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nếu pháp luật có quy định phải công khai cấu thành giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.
  - 2.4.2.4. Phương thức, thời hạn thanh toán.
  - 2.4.2.5. Thời gian, địa điểm, phương thức bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.
  - 2.4.2.6. Quyền và nghĩa vụ của các bên bảo đảm tuân thủ quy định của Luật BVQLNTD năm 2023 và quy định khác của pháp luật có liên quan.
  - 2.4.2.7. Trách nhiệm bảo vệ thông tin của NTD.
  - 2.4.2.8. Trường hợp chấm dứt thực hiện hợp đồng và trách nhiệm phát sinh do chấm dứt thực hiện hợp đồng.
  - 2.4.2.9. Trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
  - 2.4.2.10. Phương thức giải quyết tranh chấp.
  - 2.4.2.11. Thời điểm giao kết hợp đồng, thời hạn của hợp đồng.
- 2.4.3. Ngoài 9 điều khoản không được phép quy định trong hợp đồng giao kết với NTD, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã được quy định tại Luật BVQLNTD năm 2010, Luật BVQLNTD năm 2023 bổ sung thêm 6 nhóm điều khoản không được phép quy định trong hợp đồng giao kết với NTD, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (được in nghiêng dưới đây). Như vậy, các điều khoản không được phép quy định trong hợp đồng giao kết với NTD, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung kể từ ngày 01/7/2023 bao gồm:
- 2.4.3.1. Hạn chế, loại trừ trách nhiệm được pháp luật quy định của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với NTD, trừ trường hợp pháp luật liên quan quy định trách nhiệm đó được hạn chế, loại trừ.
  - 2.4.3.2. Hạn chế, loại trừ quyền khiếu nại, khởi kiện của NTD.
  - 2.4.3.3. *Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh đơn phương thay đổi quy định của hợp đồng đã giao kết với NTD.*
  - 2.4.3.4. *Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh đơn phương thay đổi điều kiện giao dịch chung mà không quy định quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng cho NTD.*
  - 2.4.3.5. Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh đơn phương xác định NTD không thực hiện một hoặc một số trách nhiệm.
  - 2.4.3.6. Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh quy định hoặc thay đổi giá tại thời điểm giao sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.



- 2.4.3.7. Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh thay đổi giá trong quá trình cung cấp dịch vụ liên tục mà không quy định quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng cho NTD.
- 2.4.3.8. Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh giải thích hợp đồng, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp điều khoản của hợp đồng, điều kiện giao dịch chung được hiểu khác nhau.
- 2.4.3.9. Loại trừ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ thông qua bên thứ ba.
- 2.4.3.10. Bắt buộc NTD phải tuân thủ trách nhiệm khi tổ chức, cá nhân kinh doanh không hoàn thành trách nhiệm của mình.
- 2.4.3.11. Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh chuyển giao trách nhiệm cho bên thứ ba mà không được NTD đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 2.4.3.12. Quy định về chế tài theo hướng bất lợi hơn cho NTD do vi phạm hoặc chấm dứt thực hiện hợp đồng.
- 2.4.3.13. Cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh gia hạn hợp đồng đã thỏa thuận với NTD mà không quy định trách nhiệm thông báo trước hoặc không có cơ chế để NTD lựa chọn gia hạn hay chấm dứt thực hiện hợp đồng.
- 2.4.3.14. Quy định NTD phải đồng ý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh thu thập, lưu trữ, sử dụng thông tin của NTD là điều kiện để giao kết hợp đồng, điều kiện giao dịch chung, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 2.4.3.15. Quy định trái với nguyên tắc thiện chí theo quy định của pháp luật về dân sự, dẫn đến mất cân bằng về quyền và nghĩa vụ của các bên theo hướng bất lợi cho NTD.
- 2.4.4. Bổ sung trách nhiệm công khai Hợp đồng theo mẫu của tổ chức, cá nhân kinh doanh. Theo đó, Hợp đồng theo mẫu phải được niêm yết ở vị trí dễ nhìn thấy tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) để NTD biết về nội dung của hợp đồng trước khi NTD giao kết hợp đồng hoặc thực hiện hoạt động đặt cọc, thanh toán trước khi hợp đồng được giao kết.
- 2.4.5. Mở rộng phạm vi kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Cụ thể, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật BVQLNTD năm 2023, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có số lượng lớn NTD mua, sử dụng thường xuyên, liên tục, có tác động trực tiếp, lâu dài đến NTD phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi NTD trước khi sử dụng để giao kết với NTD thay vì chỉ quy định các hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa thiết yếu mới phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ quyền lợi NTD như tại khoản 1 Điều 19 Luật BVQLNTD năm 2010.

Như vậy,

- (i) Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định hợp đồng theo mẫu “là hợp đồng gồm những điều khoản do một bên đưa ra theo mẫu để bên kia trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận thì coi như chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng theo mẫu mà bên đề nghị đã đưa ra”. Tuy nhiên, khoản 5 Điều 3 Luật BVQLNTD năm 2010 được trích dẫn như trên lại đưa ra định nghĩa về hợp đồng theo mẫu rộng hơn so với quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 khi quy định tất cả các hợp đồng do tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ soạn thảo đều là hợp đồng theo mẫu. Quy định này cũng mâu thuẫn với Bộ luật Dân sự năm 2015 trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh soạn thảo trước hợp đồng nhưng khách hàng vẫn có quyền đàm phán, sửa đổi nội dung thì theo Bộ luật Dân sự năm 2015 hợp đồng này không phải là hợp đồng theo mẫu. Tuy nhiên, theo Luật BVQLNTD năm 2010, đây lại là hợp đồng theo mẫu. Do đó, việc Luật BVQLNTD năm 2023 bỏ định nghĩa “hợp đồng theo mẫu” để sử dụng thống nhất theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn phù hợp.
- (ii) Khoản 1 Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định hợp đồng theo mẫu phải được công khai để bên được đề nghị biết hoặc phải biết về những nội dung của hợp đồng theo mẫu. Tuy nhiên, pháp luật BVQLNTD hiện hành chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về nội dung cần công khai và những hình thức công khai. Trên thực tế, các hợp đồng theo mẫu được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Danh mục hàng hóa thiết yếu do Thủ tướng chính phủ ban hành được công khai và có thể dễ dàng tra cứu. Tuy nhiên, quy định trên vẫn còn bỏ ngỏ đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và không cần đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan nhà nước. Vì vậy, khắc phục thiếu sót trên, Luật BVQLNTD năm 2023 bổ sung trách nhiệm niêm yết hợp đồng theo mẫu của tổ chức, cá nhân kinh doanh trước khi NTD giao kết hợp đồng hoặc thực hiện hoạt động đặt cọc, thanh toán trước khi hợp đồng được giao kết.
- (iii) Theo Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg), Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg (Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg), Quyết định số 38/2018/QĐ-TTg ngày 05/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg (Quyết định số 38/2018/QĐ-TTg) và Quyết định số 25/2019/QĐ-TTg ngày 13/8/2019 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg (Quyết định số 25/2019/QĐ-TTg), có 09 loại hàng hóa và dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu. Cụ thể là: Cung cấp điện sinh hoạt; cung cấp nước sinh hoạt; truyền hình trả tiền; dịch vụ điện thoại cố định mặt đất; dịch vụ thông tin di động mặt đất (hình thức thanh toán trả sau); dịch vụ truy nhập internet; vận chuyển hành khách đường hàng không; vận chuyển hành khách đường sắt; mua bán căn hộ chung cư, các dịch vụ sinh hoạt do đơn vị quản lý khu chung cư cung cấp. Hai dịch

vụ là phát hành thẻ ghi nợ nội địa, mở và sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán (áp dụng cho khách hàng cá nhân), vay vốn cá nhân (nhằm mục đích tiêu dùng) và bảo hiểm nhân thọ được thêm vào danh mục theo Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg nhưng sau đó lần lượt bị Quyết định số 38/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 25/2019/QĐ-TTg bãi bỏ.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Giá năm 2012, hàng hóa và dịch vụ thiết yếu là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, quốc phòng, an ninh (...). Tuy vậy, đối chiếu với Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu được nêu ở trên, những hàng hóa, dịch vụ như internet, dịch vụ di động, mua chung cư, vay vốn, mua bảo hiểm nhân thọ không phải là những nhu cầu không thể thiếu mà chỉ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống con người. Khắc phục hạn chế đó, Điều 28 Luật BVQLNTD năm 2023 quy định các “sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có số lượng lớn người tiêu dùng mua, sử dụng thường xuyên, liên tục, có tác động trực tiếp, lâu dài đến người tiêu dùng” là các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Như vậy, với thay đổi trên, có thể dự đoán rằng trong thời gian tới, sẽ có nhiều sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trước khi giao kết với người tiêu dùng, mà điển hình trong số đó là các giao dịch trong kinh doanh bất động sản. Cụ thể: pháp luật hiện hành chỉ quy định giao dịch mua bán nhà chung cư là thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, mà không quy định phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với các hợp đồng mẫu khác trong kinh doanh bất động sản được ban hành theo Nghị định số 02/2022/NĐ-CP, bao gồm hợp đồng mua bán, thuê mua căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ; hợp đồng cho thuê nhà ở, công trình xây dựng;... Mặc dù chưa có quy định các hợp đồng theo mẫu này phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung hoặc thông báo cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi giao dịch với khách hàng. Tuy nhiên, với quy định mới tại Luật BVQLNTD năm 2023, có khả năng trong tương lai, các giao dịch này cũng phải thực hiện đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa vào giao dịch.

Chi tiết về các điểm mới tiêu biểu của LBVQLNT năm 2023, Quý Khách Hàng vui lòng tham khảo thêm tại chuyên đề pháp lý sẽ được Đất Luật cập nhật trong thời gian tới.

### 3. LUẬT GIÁ NĂM 2023

Luật Giá năm 2023 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 với một số nội dung tiêu biểu như sau:

- 3.1. Luật Giá năm 2023 điều chỉnh toàn diện các vấn đề liên quan đến quản lý, điều tiết giá, thẩm định giá đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam, trừ: giá đất; giá nhà ở; giá điện

và giá các dịch vụ về điện; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan, tiền đền bù đối với quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc trong trường hợp người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế và người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thỏa thuận được, tiền đền bù đối với quyền sử dụng giống cây trồng được chuyển giao theo quyết định bắt buộc.

**3.2. Bổ sung nhóm các quy định chi tiết về niêm yết giá, cụ thể:**

**3.2.1. Bổ sung trách nhiệm niêm yết giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ:**

3.2.1.1. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá bảo đảm rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng các hình thức: in, dán, ghi thông tin trên bảng, giấy hoặc in trực tiếp trên bao bì của hàng hóa hoặc các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại địa điểm bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc trên các trang thông tin điện tử để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.2.1.2. Các tổ chức, cá nhân không được bán cao hơn giá niêm yết; đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cụ thể thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải niêm yết và bán đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành; đối với hàng hóa, dịch vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành giá tối thiểu, giá tối đa, khung giá thì phải niêm yết và bán theo giá phù hợp với giá tối thiểu, giá tối đa, khung giá. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ điều chỉnh mức giá niêm yết ngay khi có sự thay đổi về giá của hàng hóa, dịch vụ.

**3.2.2. Kế thừa quy định cho phép tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa dịch vụ được hạ giá bán hàng hóa, dịch vụ được nêu dưới đây mà không bị coi là vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, pháp luật về chống bán phá giá hàng nhập khẩu tại Luật Giá năm 2023:**

3.2.2.1. Hàng tươi sống.

3.2.2.2. Hàng hóa tồn kho.

3.2.2.3. Hàng hóa, dịch vụ theo mùa vụ.

3.2.2.4. Hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại theo quy định của pháp luật.

3.2.2.5. Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, phá sản, giải thể; thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

3.2.2.6. Hàng hóa, dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước.

Như vậy,



Việc bổ sung các quy định về niêm yết giá như trên trước mắt đã giải quyết được một số khó khăn, bất cập tại Luật Giá năm 2012 như sau:

- (i) Cách thức niêm yết giá chưa được pháp luật về giá và pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hướng dẫn cụ thể. Mặc dù khoản 1 Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định tổ chức, cá nhân kinh doanh bắt buộc phải niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ bằng các hình thức thích hợp, rõ ràng, không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng bằng cách in, dán, ghi trên bảng để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, để niêm yết giá với kích thước bảng thông tin, cỡ chữ, hình ảnh, đơn vị đo lường,... như thế nào cho người tiêu dùng nhận biết một cách dễ dàng thì chưa có hướng dẫn chi tiết.
- (ii) Khoản 6 Điều 11 Luật Giá năm 2012 quy định sáu nhóm hàng hóa, dịch vụ được hạ giá bán mà không bị coi là vi phạm pháp luật về cạnh tranh và pháp luật chống bán phá giá hàng nhập khẩu; đồng thời, phải niêm yết công khai tại nơi giao dịch về mức giá cũ, mức giá mới, thời hạn hạ giá, gồm: hàng tươi sống; hàng hóa tồn kho; hàng hóa, dịch vụ theo mùa vụ; hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể; thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước. Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại (Nghị định số 81/2018/NĐ-CP) quy định chỉ bao gồm ba nhóm hàng hóa, dịch vụ không áp dụng hạn mức giảm giá tối đa khi thực hiện khuyến mại giảm giá cho “*Hàng hóa, dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước; hàng thực phẩm tươi sống; hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể, thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh*”. Do bản chất của hạ giá bán hàng hóa, dịch vụ cũng là một hình thức của hoạt động khuyến mại cho nên ba nhóm hàng hóa, dịch vụ còn lại khi hạ giá và niêm yết giá phải thực hiện theo quy định của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP.

Theo đó, có thể thấy, Luật Giá năm 2012 chỉ quy định những trường hợp hạ giá phải niêm yết giá như thế nào nhưng không quy định cá nhân, tổ chức kinh doanh phải thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành về hoạt động khuyến mại. Điều này dẫn đến tình trạng hàng hóa, dịch vụ được hạ giá nhưng không tuân thủ các quy định về khuyến mại.

- (iii) Điều 13 và Điều 14 Luật Giá năm 2012 cho phép người tiêu dùng có quyền thỏa thuận về giá với cá nhân, tổ chức kinh doanh và có nghĩa vụ thanh toán theo mức giá thỏa thuận, mức giá đã lựa chọn hoặc mức giá do Nhà nước quy định khi mua hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, tại Điều 12 Luật Giá năm 2012 quy định, cá nhân, tổ chức kinh doanh có nghĩa vụ bán đúng giá niêm yết. Như vậy, người tiêu dùng có quyền thỏa thuận về giá với cá nhân, tổ chức kinh doanh; giá mà người tiêu dùng thanh toán là giá đã thỏa thuận. Tuy nhiên, cá nhân, tổ chức kinh doanh lại chỉ được bán theo giá đã niêm yết hàng hóa, dịch vụ. Mâu thuẫn này gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức kinh doanh và người tiêu dùng khi áp dụng.

- 3.3.** Ngoài việc công khai thông tin về giá bằng hình thức niêm yết giá theo quy định tại Luật Giá năm 2012, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ còn phải thực hiện công khai các nội dung sau:
- 3.3.1. Giá cụ thể hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân tự định giá trong khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- 3.3.2. Mức giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp phải kê khai giá (bao gồm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá (theo Phụ lục 1 [Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá] được ban hành kèm theo Luật Giá năm 2023, bao gồm xăng, dầu thành phẩm, khí dầu mỏ hóa lỏng, sữa cho trẻ em dưới 06 tuổi,...); hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể (theo Phụ lục 2 [Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá] được ban hành kèm theo Luật Giá năm 2023, bao gồm giá nhà, giá đất, điện, nước sạch, dịch vụ công, một số dịch vụ giao thông vận tải, dịch vụ viễn thông, tiền bản quyền, tiền đền bù đối với quyền sáng chế được chuyển giao,...); hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp quyết định theo giá tham chiếu; hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành.
- 3.4.** Việc hiệp thương giá - là phương thức thỏa thuận giữa các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ về giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ và có vai trò trung gian của cơ quan nhà nước, được quy định tại Luật Giá năm 2023 được thực hiện khi có văn bản đề nghị hiệp thương giá của cả bên mua và bên bán (thay vì chỉ cần yêu cầu của bên mua hoặc bên bán theo quy định tại Luật Giá năm 2012). Hiệp thương giá theo quy định tại Luật Giá năm 2012 được thực hiện khi có đề nghị của bên mua và bên bán hoặc khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, theo Luật Giá năm 2023, việc hiệp thương giá được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không có quy định hiệp thương giá theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá ngoài việc không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đã được quy định tại Luật Giá năm 2012 thì còn phải đáp ứng tiêu chí sau:
- 3.4.1. Không thuộc các trường hợp phải đấu thầu, đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá.
- 3.4.2. Có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán mà bên mua, bên bán phụ thuộc nhau, khó thay thế được.
- 3.5.** Kế thừa và hoàn thiện quy định kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá hoặc hàng hóa khác có biến động bất thường khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh hoặc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phục vụ công tác quản lý, điều hành giá đã được quy định tại Luật Giá năm 2012. Theo đó, Luật Giá năm 2023 bổ sung quy định về thời gian kiểm tra yếu tố hình thành giá tối đa là 30 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước nhận được đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến yếu tố hình thành giá; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn thêm không quá 15 ngày.

- 3.6.** Thẩm định giá của Nhà nước tại Luật Giá năm 2023 được lựa chọn thực hiện trong trường hợp pháp luật có liên quan quy định về việc sử dụng phương thức này là một trong các cơ sở để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét quyết định, phê duyệt giá khi bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển giao tài sản công hoặc mua, đi thuê hàng hóa, dịch vụ, tài sản có sử dụng vốn nhà nước (thay vì được thực hiện trong các trường hợp: (i) Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; (ii) Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá; (iii) Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước; (iv) Mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Luật Giá năm 2012). Thẩm định giá của Nhà nước không áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.
- 3.7.** Bổ sung các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá, thẩm định giá, như: Loạn tin, đưa tin không đúng sự thật, không chính xác về tình hình kinh tế - xã hội gây nhiễu loạn thông tin thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ; lợi dụng tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ không phù hợp với biến động của giá thành toàn bộ so với điều kiện bình thường nhằm trục lợi;...

#### **4. LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ NĂM 2023**

Luật Giao dịch điện tử năm 2023 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 với một số nội dung tiêu biểu như sau:

- 4.1.** Luật Giao dịch điện tử năm 2023 “*quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử*”, “*không quy định về nội dung, hình thức, điều kiện của giao dịch*” thay vì quy định “*về giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác*” như tại Luật Giao dịch điện tử năm 2005.

Như vậy,

Nhằm tránh chồng chéo trong các quy định pháp luật chuyên ngành, nội dung, hình thức, điều kiện của các giao dịch (dân sự, kinh doanh, thương mại, trong hoạt động hành chính, nhà nước,...) được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành; Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định về việc thực hiện giao dịch điện tử như quy định về thông điệp dữ liệu (hình thức, giá trị pháp lý, gửi và nhận thông điệp dữ liệu, ...), chữ ký điện tử, giao kết hợp đồng điện tử (nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử,...), giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước (quản lý, tạo lập, thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu,...).

- 4.2.** Kế thừa và hoàn thiện quy định về thông điệp dữ liệu tại Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 bổ sung một số hình thức thông điệp dữ liệu, công chứng, chứng thực thông điệp dữ liệu (được in nghiêng dưới đây), cụ thể:

- 4.2.1. Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức *văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng thư điện tử, chứng từ điện tử, hợp đồng điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax* và hình thức trao đổi dữ liệu điện tử khác theo quy định của pháp luật.
- 4.2.2. *Thông điệp dữ liệu được tạo ra, phát sinh trong quá trình giao dịch hoặc được chuyển đổi từ văn bản giấy.*
- 4.2.3. Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu. Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản, có giá trị như bản gốc, có giá trị dùng làm chứng cứ.
- 4.2.4. *Trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản phải được công chứng, chứng thực thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu nếu được công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng; chứng thực theo quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và pháp luật về chứng thực.*
- 4.3.** Bổ sung quy định về phân loại chữ ký điện tử. Theo đó, thay vì quy định “*Chữ ký điện tử được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số, ký hiệu, âm thanh hoặc các hình thức khác bằng phương tiện điện tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu, có khả năng xác nhận người ký thông điệp dữ liệu và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với nội dung thông điệp dữ liệu được ký*” như tại Luật Giao dịch điện tử năm 2005, chữ ký điện tử theo Luật Giao dịch điện tử năm 2023 được phân thành 03 loại và phải đáp ứng đủ các yêu cầu theo quy định thì mới không bị phủ nhận giá trị pháp lý và có giá trị pháp lý tương đương chữ ký của cá nhân đó trong văn bản giấy. Cụ thể:
  - 4.3.1. Phân loại chữ ký điện tử theo phạm vi sử dụng:
    - 4.3.1.1. Chữ ký điện tử chuyên dùng: là chữ ký điện tử do cơ quan, tổ chức tạo lập, sử dụng riêng cho hoạt động của cơ quan, tổ chức đó phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.
    - 4.3.1.2. Chữ ký số công cộng: là chữ ký số được sử dụng trong hoạt động công cộng và được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số công cộng.
    - 4.3.1.3. Chữ ký số chuyên dùng công vụ: là chữ ký số được sử dụng trong hoạt động công vụ và được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.
  - 4.3.2. Yêu cầu đối với chữ ký số là chữ ký điện tử:
    - 4.3.2.1. Xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu.
    - 4.3.2.2. Dữ liệu tạo chữ ký số chỉ gắn duy nhất với nội dung của thông điệp dữ liệu được chấp thuận.
    - 4.3.2.3. Dữ liệu tạo chữ ký số chỉ thuộc sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký.
    - 4.3.2.4. Mọi thay đổi đối với thông điệp dữ liệu sau thời điểm ký đều có thể bị phát hiện.



- 4.3.2.5. Phải được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số. Trường hợp chữ ký số chuyên dùng công vụ phải được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Trường hợp chữ ký số công cộng phải được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
- 4.3.2.6. Phương tiện tạo chữ ký số phải bảo đảm dữ liệu tạo chữ ký số không bị tiết lộ, thu thập, sử dụng cho mục đích giả mạo chữ ký; bảo đảm dữ liệu được dùng để tạo chữ ký số chỉ có thể sử dụng một lần duy nhất; không làm thay đổi dữ liệu cần ký.

Như vậy,

Việc sửa đổi quy định tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023 nhằm giải quyết thiếu sót trong Luật Giao dịch điện tử năm 2005 là thiếu quy định cụ thể về giá trị pháp lý và đảm bảo độ tin cậy cho một số yếu tố quan trọng trong giao dịch điện tử như: thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử, tài khoản giao dịch điện tử, hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử, dịch vụ tin cậy,...

**4.4.** Các văn bản là giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận khác do cơ quan có thẩm quyền phát hành hoặc các giao dịch khác được giao dịch dưới hình thức dữ liệu điện tử có thể chuyển đổi thành văn bản giấy và ngược lại khi đáp ứng đủ các điều kiện được quy định. Cụ thể:

4.4.1. Thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- 4.4.1.1. Thông tin trong thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn như văn bản giấy.
- 4.4.1.2. Thông tin trong thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu.
- 4.4.1.3. Có ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu và thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi.
- 4.4.1.4. Giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phát hành ngoài việc đáp ứng các điều kiện nêu trên còn phải có chữ ký số của cơ quan, tổ chức thực hiện chuyển đổi, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi phải có tính năng chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu.

4.4.2. Văn bản giấy được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- 4.4.2.1. Thông tin trong văn bản giấy được bảo đảm toàn vẹn như thông điệp dữ liệu.

- 4.4.2.2. Có thông tin để xác định được hệ thống thông tin và chủ quản hệ thống thông tin tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu gốc để tra cứu.
  - 4.4.2.3. Có ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy và thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi.
  - 4.4.2.4. Trường hợp thông điệp dữ liệu là chứng thư điện tử thì việc chuyển đổi phải đáp ứng yêu cầu như trên và phải có chữ ký, con dấu (nếu có) của cơ quan, tổ chức thực hiện chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi phải có tính năng chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy.
- 4.5.** Bổ sung quy định về các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, đồng thời bổ sung quy định các hoạt động, trách nhiệm của cơ quan nhà nước và hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử. Từ đó, thúc đẩy giao dịch điện tử, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

## **5. LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2023**

Để tiếp tục phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong tình hình mới, tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặt mục tiêu đến năm 2030, cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên. Bảo đảm trên 60% tổ chức kinh tế tập thể đạt loại tốt, khá, trong đó có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị. Có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, phát triển các chuỗi giá trị nông sản hàng hoá gắn với liên kết sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi cung ứng đưa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trực tiếp ra thị trường quốc tế.

Nhằm thực hiện nhiệm vụ trên, các chính sách mới ưu đãi về đất đai, thuế, phí, huy động vốn dành riêng cho hợp tác xã được Luật Hợp tác xã năm 2023, có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, quy định như sau:

### **5.1. Chính sách đất đai**

- 5.1.1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ưu tiên bố trí quỹ đất để thuê trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; được nhận ưu đãi hợp lý về giá và thời gian cho thuê đất đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chưa được hỗ trợ thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.
- 5.1.2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê đất, đất có mặt nước của Nhà nước để sản xuất, kinh doanh được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước; trường hợp thuê, thuê lại đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để sản xuất, kinh doanh thì được Nhà nước hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

### **5.2. Chính sách thuế, phí và lệ phí**

- 5.2.1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng mức ưu đãi thuế, ưu đãi phí và lệ phí cao nhất trong cùng lĩnh vực, ngành, nghề và địa bàn theo pháp luật về thuế, phí và lệ phí.
- 5.2.2. Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác, không thu phí công bố nội dung đăng ký trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 5.2.3. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với:
  - 5.2.3.1. Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
  - 5.2.3.2. Thu nhập của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia liên kết với cá nhân, tổ chức khác hình thành chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức vì mục tiêu phát triển bền vững.
  - 5.2.3.3. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 5.2.4. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập hình thành quỹ chung không chia, phần thu nhập hình thành tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 5.2.5. Miễn, giảm lệ phí môn bài đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.
- 5.2.6. Miễn lệ phí trước bạ đối với cá nhân, tổ chức khi chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

### **5.3. Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm**

- 5.3.1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của Chính phủ; được ưu tiên tiếp cận nguồn vốn từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và các định chế tài chính theo quy định của pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững; được hỗ trợ tăng cường năng lực tài chính cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; được ưu tiên, hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư của các bộ, ngành, địa phương.
- 5.3.2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ phí bảo hiểm đối với tài sản chung không chia tham gia bảo hiểm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.
- 5.3.3. Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được Nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Ngoài các chính sách nêu trên, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã còn được thụ hưởng nhiều chính sách khác như chính sách tiếp cận và nghiên cứu thị trường, chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, chính sách phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn,... Chi tiết các quy định có liên quan đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Quý Khách Hàng vui lòng tham khảo tại các chuyên đề pháp lý sẽ được Đất Luật cập nhật đến Quý Khách Hàng trong thời gian tới.

## **6. TIẾP TỤC GIẢM 2% THUẾ SUẤT THUẾ GTGT TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN HẾT NGÀY 30/6/2024**

**6.1.** Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/06/2024, theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP<sup>5</sup>, tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%, trừ:

6.1.1. Viên thông, hoạt động tài chính, chứng khoán, **kinh doanh bất động sản**, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn,... theo Danh mục tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

6.1.2. Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo Danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

6.1.3. Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

### **Lưu ý:**

(i) Việc giảm thuế GTGT cho từng loại hàng hóa, dịch vụ được áp dụng thống nhất tại khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế GTGT.

(ii) Cơ sở kinh doanh (CSKD) tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm 2% thuế suất thuế GTGT.

(iii) CSKD (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% và mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế suất thuế GTGT nêu trên.

## **6.2. Trình tự, thủ tục thực hiện**

### **6.2.1. Đối với cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**

6.2.1.1. Khi lập hóa đơn GTGT cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT, tại dòng thuế suất thuế GTGT ghi “8%”; tiền thuế GTGT; tổng số tiền người mua phải thanh toán.

6.2.1.2. Căn cứ hóa đơn GTGT, CSKD bán hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế GTGT đầu ra, CSKD mua hàng hóa, dịch vụ kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo số thuế đã giảm ghi trên hóa đơn GTGT.

#### 6.2.2. Đối với CSKD tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu

Khi lập hóa đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT, tại cột “Thành tiền” ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm... (số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT.

#### Lưu ý:

- (i) Trường hợp CSKD tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn GTGT phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ.
- (ii) Trường hợp CSKD tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu thì trên hóa đơn bán hàng phải ghi rõ số tiền được giảm.
- (iii) Trường hợp CSKD đã lập hóa đơn và đã kê khai theo mức thuế suất hoặc mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT chưa được giảm theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP thì người bán và người mua xử lý hóa đơn đã lập theo quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ. Căn cứ vào hóa đơn sau khi xử lý, người bán kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, người mua kê khai điều chỉnh thuế đầu vào (nếu có).
- (iv) CSKD thực hiện kê khai các hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP cùng với Tờ khai thuế GTGT.

### 7. ÁP DỤNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU 15% TỪ NĂM TÀI CHÍNH 2024

Từ ngày 01/01/2024, áp dụng thuế suất thuế tối thiểu toàn cầu 15% với các doanh nghiệp đa quốc gia có tổng doanh thu hợp nhất từ 750 triệu euro (khoảng 800 triệu USD) trở lên trong 2 năm của 4 năm liên kế (trừ một số trường hợp như các tổ chức của Chính phủ, tổ chức đầu tư bất động sản là công ty mẹ tối cao, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận...) sẽ áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với người nộp thuế theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo quy định tại Nghị quyết số 107/2023/QH15<sup>6</sup>.

Theo đó, việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu có thể ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào thị trường Việt Nam trong thời gian hưởng chính sách ưu đãi đầu tư về thuế (nếu có), vì chính sách ưu đãi các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam có thuế suất thực tế thấp hơn 15%, đồng nghĩa với việc ưu đãi về thuế của Việt Nam dành cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ không còn tác dụng<sup>7</sup>.



## **8. DOANH NGHIỆP KHU VỰC TƯ NHÂN KINH DOANH BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022 – 2025 ĐƯỢC TIẾP CẬN GÓI HỖ TRỢ VỀ TƯ VẤN, CÔNG NGHỆ VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG**

Theo quy định tại Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT<sup>8</sup>, từ ngày 27/01/2024, doanh nghiệp kinh doanh bền vững (doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, áp dụng các mô hình kinh doanh bền vững, không bao gồm doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đáp ứng các tiêu chí khác được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT<sup>9</sup>) được tiếp cận các gói hỗ trợ về tư vấn, công nghệ và xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường..., cụ thể:

### **8.1. Gói hỗ trợ về tư vấn**

- 8.1.1. Tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ; tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; tư vấn giải pháp chuyển đổi số; tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quy định; tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới; tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế; tư vấn tìm kiếm thông tin, truyền thông, quảng bá cho các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh bền vững của doanh nghiệp.
- 8.1.2. Tư vấn tiếp cận tài chính, gọi vốn đầu tư; tư vấn về nhân sự, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ, tư vấn xây dựng chiến lược, chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh theo hướng kinh doanh bền vững và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp (áp dụng riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội).

### **8.2. Gói hỗ trợ công nghệ**

- 8.2.1. Hỗ trợ kiểm định, hiệu chuẩn, đo lường chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm kinh doanh bền vững (bao gồm thử nghiệm sản phẩm mới), hoàn thiện sản phẩm (bao gồm hoàn thiện sản phẩm mới), mô hình kinh doanh bền vững; Hỗ trợ chi phí, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.
- 8.2.2. Hỗ trợ chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.
- 8.2.3. Hỗ trợ chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.
- 8.2.4. Hỗ trợ chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ.
- 8.2.5. Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số.

### **8.3. Gói hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường**

- 8.3.1. Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử.

8.3.2. Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp kinh doanh bền vững còn được hỗ trợ về đào tạo, huấn luyện chuyên sâu cho doanh nghiệp... Chi tiết, Quý Khách Hàng vui lòng tham khảo thêm chuyên đề về tổng hợp các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sẽ được Đất Luật phát hành trong thời gian tới.

## **B. CÁC VĂN BẢN DỰ KIẾN ĐƯỢC BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG NĂM 2024**

### **1. LOẠI BỎ PHƯƠNG PHÁP CHIẾT TRỪ TRONG ĐỊNH GIÁ ĐẤT; NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHO PHÉP CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT,... MÀ CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT GIÁ ĐẤT CÓ THỂ PHẢI NỘP BỔ SUNG MỘT KHOẢN TIỀN BẰNG LÃI SUẤT TIỀN GỬI CỦA KỲ HẠN 12 THÁNG**

Bộ Tài nguyên và Môi trường đang trong quá trình hoàn thiện trình Chính phủ xem xét dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Theo dự thảo Nghị định được ban hành kèm theo Tờ trình số 84/TTr-BTNMT ngày 24/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, một số điểm mới được sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Nghị định được khái quát như sau:

#### **1.1. Về phương pháp định giá đất**

1.1.1. Loại bỏ phương pháp chiết trừ trong định giá đất; rà soát, hoàn thiện khái niệm, trình tự, nội dung xác định giá đất của các phương pháp định giá đất; làm rõ điều kiện áp dụng từng phương pháp định giá đất: so sánh, thu thập, thặng dư, hệ số điều chỉnh giá đất. Cụ thể:

1.1.1.1. Đối với phương pháp so sánh: lồng ghép phương pháp chiết trừ vào phương pháp so sánh; quy định rõ nội dung khảo sát, thu thập thông tin đối với thửa đất cần định giá và các thửa đất so sánh; hướng dẫn cụ thể việc chiết trừ giá trị hiện tại tài sản gắn liền với đất để xác định giá đất của các thửa đất so sánh có tài sản gắn liền với đất; cách xác định giá đất ước tính của thửa đất cần định giá.

1.1.1.2. Đối với phương pháp thu nhập: sửa đổi cách xác định lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân; quy định cụ thể về khảo sát, thu thập thông tin về thu nhập và chi phí của thửa đất phi nông nghiệp, đất nông nghiệp cần định giá; xác định thu nhập ròng bình quân năm và giá trị của thửa đất cần định giá để tính giá đất của thửa đất cần định giá; làm rõ trách nhiệm cung cấp thông tin lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân của Ngân hàng.

1.1.1.3. Đối với phương pháp thặng dư: quy định cụ thể cách xác định và yếu tố để ước tính tổng doanh thu phát triển và tổng chi phí phát triển để áp dụng thống nhất các chỉ tiêu tính toán;

1.1.1.4. Đối với phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất: mở rộng phạm vi áp dụng cho một số trường hợp tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

1.2. Về thủ tục quyết định giá đất

1.2.1. Bộ quy định lập kế hoạch định giá đất cụ thể.

1.2.2. Bổ sung trình tự, thủ tục thực hiện xác định giá đất cụ thể trong trường hợp UBND cấp tỉnh ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định giá đất.

1.2.3. Bổ sung quy định điều tra, tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường; xây dựng báo cáo thuyết minh phương án giá đất.

1.3. Quy định xử lý chuyển tiếp

1.3.1. Đối với trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất,... mà chưa có quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì việc định giá đất thực hiện như sau:

1.3.1.1. Đối với trường hợp đã có quyết định theo quy định của pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014: người sử dụng đất phải nộp bổ sung một khoản tiền bằng lãi suất tiền gửi của kỳ hạn 12 tháng trung bình các ngân hàng thương mại mà Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối trên địa bàn tỉnh tại thời điểm định giá.

1.3.1.2. Đối với trường hợp đã có quyết định theo quy định của pháp luật đất đai từ ngày 01/7/2014: trường hợp sau 12 tháng kể từ ngày có quyết định mà chưa có quyết định phê duyệt giá đất cụ thể thì người sử dụng đất phải nộp bổ sung một khoản tiền bằng lãi suất tiền gửi của kỳ hạn 12 tháng trung bình các ngân hàng thương mại mà Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối trên địa bàn tỉnh tại thời điểm định giá.

## **2. TĂNG LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG 6% TỪ NGÀY 01/7/2024**

Ngày 20/12/2023, Hội đồng Tiền lương quốc gia đã đồng thuận với đề xuất tăng lương tối thiểu vùng từ ngày 01/7/2024 ở mức 6% để trình Chính phủ xem xét quyết định. Trường hợp Chính phủ phê duyệt, mức lương tối thiểu vùng từ ngày 01/7/2024 có thay đổi như sau:

2.1. Mức lương tối thiểu trả theo tháng

2.1.1. Vùng I tăng từ 4.680.000 đồng/tháng lên 4.960.000 đồng/tháng (tăng thêm 280.000 đồng).

2.1.2. Vùng II tăng từ 4.160.000 đồng/tháng lên 4.410.000 đồng/tháng (tăng 250.000 đồng).

2.1.3. Vùng III tăng từ 3.640.000 đồng/tháng lên 3.860.000 đồng/tháng (tăng 220.000 đồng).

2.1.4. Vùng IV tăng từ 3.250.000 đồng/tháng lên 3.450.000 đồng/tháng (tăng 200.000 đồng).

- 2.2. Mức lương tối thiểu trả theo giờ
- 2.1.5. Vùng I tăng từ 22.500 đồng/giờ lên 23.800 đồng/giờ.
- 2.1.6. Vùng II tăng từ 20.000 đồng/giờ lên 21.000 đồng/giờ.
- 2.1.7. Vùng III tăng từ 17.500 đồng/giờ lên 18.600 đồng/giờ.
- 2.1.8. Vùng IV tăng từ 15.600 đồng/giờ lên 16.600 đồng/giờ.

Như vậy,

Theo quy định tại Mục 2.6 Quyết định số 595/QĐ-BHXH<sup>10</sup> thì mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm đóng đối với người lao động làm công việc hoặc chức danh giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường. Do đó, việc điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng như trên cũng đồng nghĩa với việc tăng các khoản đóng bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động và người lao động đóng bảo hiểm trên cơ sở mức lương tối thiểu.

### **3. LOẠI TRỪ VIỆC XÁC ĐỊNH QUAN HỆ LIÊN KẾT ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC TÍN DỤNG, TỔ CHỨC KHÁC CÓ CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG BẢO LÃNH HOẶC CHO MỘT DOANH NGHIỆP KHÁC VAY VỐN DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC NÀO VỚI ĐIỀU KIỆN KHOẢN VỐN VAY ÍT NHẤT BẰNG 25% VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU CỦA DOANH NGHIỆP ĐI VAY VÀ CHIẾM TRÊN 50% TỔNG GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN NỢ TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP ĐI VAY**

Trước những kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp về tính cấp bách trong việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2020/NĐ-CP<sup>11</sup> liên quan đến các quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, ngày 23/11/2023, Bộ Tài chính đã gửi Dự thảo lấy ý kiến về sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết kèm theo Công văn số 12094/BTC-TCT đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến đóng góp. Theo đó, Bộ tài chính đề xuất nghiên cứu, sửa đổi như sau:

- 3.1. Trên cơ sở tổng hợp vướng mắc kiến nghị và thu thập tài liệu kinh nghiệm quốc tế cũng như thực tế triển khai thực hiện, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi bổ sung vấn đề doanh nghiệp kiến nghị nhiều nhất đó là quy định về việc xác định quan hệ liên kết theo vốn vay tại điểm d khoản 2 Điều 5 (bao gồm trường hợp ngân hàng cho doanh nghiệp vay trên 25% vốn góp của chủ sở hữu và chiếm trên 50% tổng các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay) và chi phí lãi vay của doanh nghiệp đi vay áp dụng theo mức không chế trong trường hợp chi phát sinh duy nhất mỗi quan hệ liên kết theo vốn vay với ngân hàng. Thực tiễn về triển khai áp dụng nghị định số 132/2020/NĐ-CP cho thấy việc xác định quan hệ liên kết theo vốn vay trong trường hợp vay vốn ngân hàng, tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng nhưng các tổ chức này không có sự điều hành, kiểm soát, góp vốn, quyết định đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đi vay thì trong trường hợp này xét theo nguyên tắc bản chất quyết định hình thức thì không phải là các bên có quan hệ liên kết.

Tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP cũng quy định nguyên tắc để xác định các bên có quan hệ liên kết là các bên có mối quan hệ thuộc một trong các trường hợp:

- 3.1.1. Một bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào bên kia.
- 3.1.2. Các bên trực tiếp hay gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của một bên khác.

Do đó, để đảm bảo quy định chi tiết tại khoản 2 thống nhất với khoản 1 Điều 5 và phù hợp với thực tế của các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu vay vốn cao phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Bộ Tài chính trình báo cáo Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP để **loại trừ** việc xác định quan hệ liên kết đối với trường hợp **tổ chức tín dụng, tổ chức khác có chức năng hoạt động ngân hàng (không tham gia điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào doanh nghiệp đi vay hoặc doanh nghiệp và tổ chức tín dụng, tổ chức khác có chức năng hoạt động ngân hàng không chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của một bên khác)** bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay.

- 3.2. Ngoài nội dung nêu trên, Bộ Tài chính còn tổng hợp thêm các vướng mắc khác được tổng hợp từ các Cục Thuế địa phương đang được Bộ Tài chính nghiên cứu phương án điều chỉnh, bao gồm:

- 3.2.1. Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định giao dịch “*mượn, cho mượn*” đối với hàng hóa, tài sản hữu hình và tài sản vô hình là giao dịch liên kết; chưa quy định giao dịch “*mượn, cho mượn*” tài chính là giao dịch liên kết nên chưa thống nhất và dễ bị lợi dụng khi doanh nghiệp phát sinh giao dịch vay tài chính nhưng chuyển sang thành hợp đồng mượn, cho mượn tài chính. Ngoài ra, “*các giao dịch kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh giá của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về giá*” thì không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP. Như vậy, đối với doanh nghiệp kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý giá, thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về giá như: điện, xăng dầu,... nhưng trong quá trình hoạt động phát sinh các giao dịch liên kết khác như: vay, cho vay,... thì có thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP hay không? Nhiều doanh nghiệp cho rằng hoạt động của doanh nghiệp là kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về giá và các giao dịch liên kết khác (như vay, cho vay,...) cũng để phục vụ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định của pháp luật về giá của Nhà nước nên các doanh nghiệp đó không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.



- 3.2.2. Nghị định số 132/2020/NĐ-CP đang quy định việc xác định mối quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp hoặc mối quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp với cá nhân. Trong thực tế có thể phát sinh hoạt động chuyển giá giữa doanh nghiệp với chi nhánh thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (chi nhánh hạch toán độc lập) nhằm điều tiết lợi nhuận giữa các doanh nghiệp, chi nhánh trong cùng Công ty. Đồng thời, mối quan hệ giữa doanh nghiệp và chi nhánh đáp ứng điều kiện xác định là các bên có quan hệ liên kết theo nguyên tắc được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP. Do đó, cần phải quy định bổ sung việc xác định mối quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp với chi nhánh kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc giữa hai chi nhánh kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 3.2.3. Điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định thời gian chuyển chi phí lãi vay liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Hiện nay, phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định trên do có quan điểm như sau: trong thời hạn 05 năm nếu 01 năm doanh nghiệp không đủ điều kiện chuyển chi phí lãi vay thì từ năm đó doanh nghiệp không được chuyển chi phí lãi vay còn lại của các năm trước vì không đảm bảo tính liên tục khi chuyển chi phí lãi vay.

#### **4. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BAN HÀNH MỚI CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN THỜI HẠN TRẢ NỢ, GIỮ NGUYÊN NHÓM NỢ NHẪM HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG KHÓ KHĂN; MUA BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP; HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG**

Tại Công điện số 1177/CD-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận vốn tín dụng, thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản hiệu quả, an toàn, lành mạnh, bền vững, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ngân hàng nhà nước khẩn trương rà soát, đánh giá tính hình thực hiện các Thông tư số 02/2023/TT-NHNN<sup>12</sup>; Thông tư số 03/2023/TT-NHNN<sup>13</sup>; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN<sup>14</sup> và các Thông tư, quy định khác có liên quan để chủ động, kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định, nhất là các cơ chế, chính sách hết hiệu lực trong năm 2023. Bên cạnh đó, ngày 27/12/2023, Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp có kết luận kiểm tra Thông tư số 06/2023/TT-NHNN, theo đó, Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật nhận định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định biện pháp phong tỏa số tiền giải ngân vốn cho vay tại các tổ chức tín dụng cho vay để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tại điểm c khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-NHNN là không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP<sup>15</sup> và Nghị định số 101/2012/NĐ-CP<sup>16</sup>. Do đó, trong thời gian tới, các chính sách liên quan đến thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng khó khăn; mua bán trái phiếu doanh nghiệp; hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với ngân hàng có thể sẽ được Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung theo hướng phù hợp với quy định pháp luật, đồng thời, tạo điều kiện giữ nguyên nhóm nợ, gia hạn thời hạn trả nợ cho các khách hàng khó khăn, mở

rộng điều kiện vay vốn,... Chi tiết, Đất Luật sẽ tiếp tục cập nhật đến Quý Khách Hàng ngay khi nhận được các dự thảo chính thức từ Ngân hàng Nhà nước.

**Lưu ý:** Chuyên đề pháp lý này được phát hành dành riêng cho Quý Khách hàng của Công ty Luật TNHH Đất Luật nhằm hỗ trợ hiệu quả hơn hoạt động đầu tư, kinh doanh của Quý Khách hàng. Các thông tin trong Chuyên đề pháp lý này chỉ mang tính tham khảo, trên cơ sở khái quát các quy định pháp luật, không phải là ý kiến tư vấn đối với một vấn đề cụ thể. Đất Luật đề nghị Quý Khách hàng liên hệ Đất Luật để được tư vấn chi tiết các vấn đề có liên quan.

© 2023 – Dat Luat Law Firm.



For , please consider the environment before printing.

<sup>1</sup> Khánh Linh (2023), *Luật Đấu thầu điều chỉnh tới công ty con 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước*, <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/luat-dau-thau-dieu-chinh-toi-cong-ty-con-100-von-cua-doanh-nghiep-nha-nuoc-post324453.html>, truy cập ngày 15/12/2023.

<sup>2</sup> Cục Cảnh tranh và Bảo vệ Người tiêu dùng, (2020), *Thông báo về việc khuyến cáo chủ đầu tư và khách hàng để đảm bảo việc chấp hành quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, <http://vcca.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&id=79772976-355f-49c1-8d56-94f70ac8a114>, truy cập ngày 27/12/2023.

<sup>3</sup> Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

<sup>4</sup> Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016.

<sup>5</sup> Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội.

<sup>6</sup> Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

<sup>7</sup> [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages\\_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM294852](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM294852), truy cập ngày 27/12/2023.

<sup>8</sup> Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>9</sup> Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT

**“Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Kinh doanh bền vững là các mô hình kinh doanh quy định tại Chương trình 167, bao gồm:

a) Mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh doanh trong đó các công đoạn xây dựng chiến lược, tầm nhìn doanh nghiệp, hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường theo quy định tại Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường; và thực hiện một hoặc nhiều biện pháp để đạt được tiêu chí, kinh tế tuần hoàn theo quy định tại Điều 138 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

b) Mô hình kinh doanh bao trùm là mô hình kinh doanh huy động người thu nhập thấp tham gia trong chuỗi giá trị của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; trong đó, người thu nhập thấp có thể tham gia với vai trò là nhà cung ứng, khách hàng, nhà phân phối hay có thể là người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các giá trị chia sẻ;

c) Mô hình kinh doanh phát triển bền vững theo khung môi trường, xã hội và quản trị (sau đây gọi tắt là Mô hình kinh doanh áp dụng ESG) là mô hình kinh doanh hướng tới sự phát triển bền vững, đảm bảo hài hoà các yếu tố bền vững về các mặt kinh tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội và quản trị.

2. Doanh nghiệp khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp kinh doanh bền vững) là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nhưng không bao gồm doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 11 Điều 14 Luật Doanh nghiệp và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b Điều 23 Luật Đầu tư; và áp dụng một trong các mô hình kinh doanh bền vững quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực tư nhân kinh doanh bền vững (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững) là doanh nghiệp kinh doanh bền vững theo quy định tại khoản 2 Điều này và đáp ứng tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2021/NĐ-CP) và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT). ”.

<sup>10</sup> Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.

<sup>11</sup> Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

<sup>12</sup> Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

<sup>13</sup> Thông tư số 03/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 11 Điều 4 Thông tư 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp.

<sup>14</sup> Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

<sup>15</sup> Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

<sup>16</sup> Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.